

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 44





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên
Ông Trịnh Hoàng Duy	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thành	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

181-C
TY
HỮU H
TE
AM
TP. H



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng xin nhấn mạnh lại về ý kiến của kiểm toán viên đối với việc ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ tài trợ cho việc xây dựng Nhà máy xi măng Cẩm Phả và Nhà máy nước sạch Vinaconex. Việc xử lý hạch toán của Tổng Công ty đối với khoản chênh lệch tỷ giá này là hoàn toàn nhất quán và phù hợp với tình hình thực tế. Như đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, do dự án chưa kết thúc thời gian chạy thử, chưa quyết toán nên việc chuyển giao tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án xi măng Cẩm Phả và Dự án nước Sông Đà sang Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả và Công ty TNHH Một thành viên nước sạch Vinaconex phải thực hiện trong năm 2009. Sau khi chuyển giao tài sản, khoản chênh lệch tỷ giá nói trên đã được chuyển giao cho các Công ty khai thác dự án tiếp tục theo dõi, hạch toán và lấy nguồn thu từ dự án để bù đắp. Về phía Tổng Công ty, khoản chênh lệch tỷ giá đã được hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009.

Trong năm 2009, Tổng Công ty đã có văn bản giải trình với các Vụ, Cục chuyên môn của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đã nhận được sự chia sẻ của các cơ quan này khi đánh giá phương pháp xử lý của Tổng Công ty là phù hợp với tình hình thực tế.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 thể hiện sự liên tục và nhất quán trong chính sách kế toán của Tổng Công ty, không làm thay đổi chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2010

Số: 278 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2009 với ý kiến chấp nhận từng phần với một số điểm hạn chế và ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, vốn hóa chi phí lãi vay, khấu hao, hạch toán chênh lệch tỷ giá và dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ những vấn đề được nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2008, Tổng Công ty chưa ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ tài trợ cho việc xây dựng Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Nhà máy Nước sạch Vinaconex với số tiền xấp xỉ là 467.575 triệu VND theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Trong năm 2009, Tổng Công ty ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá nói trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và không áp dụng điều chỉnh hồi tố theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".
- Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Tổng cục Thuế và cơ quan thuế địa phương để xác định việc phát hành hóa đơn và nghĩa vụ thuế GTGT có liên quan đến việc góp vốn, chuyển giao Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Nhà máy Nước sạch Vinaconex như được nêu tại phần lưu ý dưới đây. Báo cáo tài chính chưa ghi nhận bất cứ khoản thuế GTGT có liên quan đến việc chuyển giao các tài sản nói trên. Việc xác định về nghĩa vụ thuế tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp của các nghiệp vụ chuyển giao tài sản này cũng như những ảnh hưởng của nó đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		5.457.514.765.723	4.651.660.491.966
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.198.148.486.656	692.948.431.142
1. Tiền	111		881.105.986.656	597.948.431.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		317.042.500.000	95.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.660.000.000	178.586.690.478
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.660.000.000	178.586.690.478
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.714.987.537.100	2.414.268.455.408
1. Phải thu khách hàng	131		664.819.758.671	417.798.700.900
2. Trả trước cho người bán	132		1.305.172.005.489	987.543.694.698
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		905.389.379.571	827.050.040.354
4. Các khoản phải thu khác	135		33.080.392.452	224.498.504.981
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(193.473.999.083)	(42.622.485.525)
IV. Hàng tồn kho	140	6	1.287.833.758.899	1.127.389.409.500
1. Hàng tồn kho	141		1.290.363.568.143	1.127.389.409.500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.529.809.244)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		253.884.983.068	238.467.505.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.792.184	4.253.089.431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.028.705.257	76.929.320.501
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		40.141.827.990	1.030.806.453
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	195.684.657.637	156.254.289.053
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		11.254.466.327.872	9.342.541.476.057
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.255.583.039.040	-
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	8	5.255.583.039.040	-
II. Tài sản cố định	220		679.801.012.926	6.909.842.058.495
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	241.111.076.038	1.115.769.108.990
- Nguyên giá	222		339.965.342.182	1.238.839.705.149
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.854.266.144)	(123.070.596.159)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	9.791.667	1.830.876.393
- Nguyên giá	228		82.500.000	2.612.272.359
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.708.333)	(781.395.966)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	438.680.145.221	5.792.242.073.112
III. Bất động sản đầu tư	240	12	194.393.568.279	119.867.032.179
- Nguyên giá	241		221.079.507.189	141.922.570.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(26.685.938.910)	(22.055.538.060)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	5.120.923.938.142	2.304.262.195.324
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.997.534.217.336	1.288.733.972.769
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.050.317.448.559	810.029.855.329
3. Đầu tư dài hạn khác	258		265.326.859.531	269.805.217.263
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(192.254.587.284)	(64.306.850.037)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.764.769.485	8.570.190.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.764.769.485	8.561.190.059
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	9.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		16.711.981.093.595	13.994.201.968.023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		13.304.711.153.804	12.500.424.355.611
I. Nợ ngắn hạn	310		6.825.858.876.262	5.132.196.221.406
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.096.495.095.947	1.906.352.860.834
2. Phải trả người bán	312		429.319.416.384	320.984.431.714
3. Người mua trả tiền trước	313		1.924.379.133.847	1.928.689.342.627
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	114.929.955.698	63.897.349.862
5. Phải trả người lao động	315		43.475.956.584	18.216.860.315
6. Chi phí phải trả	316	17	254.739.479.608	189.057.270.538
7. Phải trả nội bộ	317		306.662.970.778	417.654.403.416
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2.655.856.867.416	287.343.702.100
II. Nợ dài hạn	330		6.478.852.277.542	7.368.228.134.205
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	898.422.483.658
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	6.477.428.651.197	6.468.341.833.870
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.423.626.345	1.463.816.677
B - NGUỒN VỐN (400 = 410+430)	400	20	3.407.269.939.791	1.493.777.612.412
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.820.700.091.099	1.307.127.949.084
1. Vốn điều lệ	411		1.850.803.870.000	1.499.851.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		350.952.370.000	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		326.948.885	(467.575.275.075)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		161.046.777.503	77.119.118.815
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		42.802.116.741	27.542.542.434
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		414.768.007.970	170.190.062.910
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	20	586.569.848.692	186.649.663.328
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		10.160.334.383	7.566.857.582
2. Nguồn kinh phí	432		576.409.514.309	179.082.805.746
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		16.711.981.093.595	13.994.201.968.023



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.849.385.426.352	2.860.798.522.916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		33.898.600	12.643.793.620
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	3.849.351.527.752	2.848.154.729.296
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	3.574.802.999.391	2.767.679.504.258
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		274.548.528.361	80.475.225.038
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	802.939.838.443	199.224.879.319
7. Chi phí tài chính	22	25	581.011.848.191	112.749.246.097
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		356.842.992.979	34.061.192.989
8. Chi phí bán hàng	24		2.769.793.979	54.100.563.664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		331.893.350.389	226.095.871.482
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		161.813.374.245	(113.245.576.886)
11. Thu nhập khác	31	26	968.631.520.638	423.067.244.554
12. Chi phí khác	32	27	574.717.368.186	3.705.143.480
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		393.914.152.452	419.362.101.074
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		555.727.526.697	306.116.524.188
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	140.464.481.258	925.038.049
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		415.263.045.439	305.191.486.139
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.317	2.035



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	555.727.526.697	306.116.524.188
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.952.400.824	43.551.414.722
Các khoản dự phòng	03	281.329.060.049	106.809.366.341
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	326.948.885	5.178.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(176.033.409.507)	(128.681.020.306)
Chi phí lãi vay	06	356.842.992.979	34.061.192.989
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.040.145.519.927	367.035.477.934
(Tăng) các khoản phải thu	09	(1.678.842.688.911)	(238.040.385.838)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(162.974.158.643)	(286.850.352.713)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	2.096.716.452.231	419.278.950.931
Giảm chi phí trả trước	12	4.796.420.574	37.445.415.009
Lãi vay đã trả	13	(496.682.188.882)	(515.948.923.716)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(80.538.880.967)	(8.576.289.210)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	150.671.522.048
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(287.614.703.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	722.620.475.329	(362.599.288.939)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(302.597.530.408)	(919.888.773.445)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	39.080.688.232	140.251.769.341
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(87.482.305.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	300.794.366.206	156.325.652.390
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(646.336.376.822)	(355.342.888.897)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	169.532.312.500	-
7. Thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	299.162.837.139	161.324.360.491
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(227.846.008.153)	(817.329.880.120)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	701.904.740.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.106.682.712.881	2.951.834.447.583
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.635.278.536.919)	(1.288.170.056.423)
4. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(162.883.327.624)	(195.037.187.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.425.588.338	1.468.627.204.145
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	505.200.055.514	288.698.035.086
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	692.948.431.142	404.250.396.056
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	1.198.148.486.656	692.948.431.142

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 186.306 triệu VND, là số tiền dùng để đầu tư xây dựng cơ bản trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng